

TOÀ ÁN ND HUYỆN CHÂU ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀUĐộc lập – Tự do - Hạnh Phúc

Số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09/3/2022

Về việc: “Tranh chấp ly hôn,

với người mất tích“**NHÂN DANH****NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC – TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU*****Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Trọng Hải
- *Hội thẩm nhân dân:*
 - Bà Võ Lệ Huyền
 - Bà Trần Thị Hạnh

- ***Thư Ký phiên tòa:*** Bà Tạ Thị Mỹ Hạnh - Thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

- ***Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:***
Bà Lê Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2022/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về “*Tranh chấp ly hôn với người mất tích*”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm: 1961.

HKTT: Tổ 01, thôn SC, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Địa chỉ: Tổ 01, thôn SC, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1967.

HKTT: Tổ 01, thôn SC, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 01, thôn SC, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

(Vắng mặt theo Quyết định tuyên bố mất tích số 17/2021/QĐDS-ST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/12/2021, biên bản lấy lời khai ngày 22/2/2022 và các biên bản làm việc khác thì ông Nguyễn Văn Tranh trình bày:

Ông Nguyễn Văn Tr và bà Phạm Thị T quen biết yêu thương nhau và chung sống với nhau từ năm 1985 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Hòa, huyện Kim Thanh, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian và có ba con chung đến cuối năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Cũng năm 2010 bà T nói lên chị ruột ở Biên Hòa, Đồng Nai để thăm người nhà và ở lại chơi nhưng cho đến nay vẫn không thấy về nhà. Từ lúc bà T đi đến nay gia đình đã tìm kiếm khắp nơi nhưng không có tin tức gì của bà T. Cho đến thời điểm hiện nay bà T cũng không liên lạc về với gia đình.

Cho đến nay bà T cũng không thông báo cho gia đình biết là đi đâu. Từ năm 2010 đến nay gia đình đã nhiều lần tổ chức đi tìm bà T, hỏi thăm những người thân thích với bà T nhưng không đạt kết quả. Đến nay ông Tr xét thấy bà T bỏ đi đã lâu không rõ tung tích, không rõ bà T sống hay đã mất tích, nên ông Tr làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố bà Phạm Thị T mất tích để ông Tr xin ly hôn. Đến ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức ban hành Quyết định số 17/2021/QĐST-DS tuyên bố bà Phạm Thị T mất tích.

Kể từ khi có Quyết định của Tòa án tuyên bố bà Phạm Thị T mất tích đến nay ông Tr cũng không thấy bà T xuất hiện vì vậy ông Tr khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Châu Đức yêu cầu xin ly hôn với bà Phạm Thị T.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giải quyết cho ông Tr được ly hôn với bà Phạm Thị T.

Về con chung: Có 03 con chung: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1986; Nguyễn Văn H, sinh năm: 1988; Nguyễn Thanh S: 1999 các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bà Phạm Thị T do đã bỏ đi và đã có Quyết định tuyên bố mất tích nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức không thể triệu tập để lấy lời khai và hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 56 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Về nuôi con chung: Có 03 con Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1986; Nguyễn Văn H, sinh năm: 1988; Nguyễn Thanh S: 1999 các con đã trưởng thành.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Ông Tr không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Văn Tr có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Phạm Thị T sống chung với nhau từ năm 1985 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Liên Hòa, huyện Kim Thanh, tỉnh Hải Dương. bà Phạm Thị T có nơi cư trú cuối cùng tại tổ 01, thôn SC, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức. Nay ông Tr có đơn yêu cầu ly hôn căn cứ vào khoản 1, điều 28, điểm a, khoản 1, điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Ông Nguyễn Văn Tr và bà Phạm Thị T kết hôn hoàn toàn tự nguyện và cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian 15 năm đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi nhau, đến cuối năm 2010 bà T viện lý do về Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để thăm người quen và ở lại chơi. Cũng từ đó đến nay bà T vẫn không thấy về và không thông báo cho gia đình biết đi đâu, làm gì. Từ đó gia đình mất liên lạc với bà T, gia đình đã nhiều lần liên lạc, tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có kết quả.

Do bà T bỏ đi đã lâu mà không có tin tức, tình cảm vợ chồng không còn vì vậy ông Tr có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà T mất tích với lý do để xin ly hôn.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu tuyên bố mất tích của ông Tr đối với bà T. Tòa án đã thông báo tìm kiếm bà T trên thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức. Ngày 17/11/2021 Tòa án nhân dân huyện Châu Đức đã ban hành Quyết định số 17/2021/QĐST-DS tuyên bố bà Phạm Thị T mất tích.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Tr vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn với bà T. Như vậy cho đến thời điểm này tình cảm vợ chồng giữa ông Tr và bà T là không còn, hai người không còn sống chung với nhau nhiều năm, không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bà T ra đi mà không cùng với ông Tr lo vun vén để tạo dựng hạnh phúc gia đình. Từ ngày bà T bỏ đi đến nay ông Tr đã có nhiều cố gắng nuôi dạy con chung và tìm kiếm bà T. Đồng thời Tòa án cũng đã có thông báo tìm kiếm nhưng không mang lại kết quả, vì vậy cho dù ông Tr có muốn hàn gắn lại hạnh phúc gia đình cũng không thể đạt được, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng vợ chồng ly thân đã lâu dẫn đến cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại và kéo dài.

[3] Áp dụng pháp luật: Căn cứ vào khoản 2, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nghị nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tr đối với bà T là có cơ sở.

[4] Về con chung: Có 03 con Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1986; Nguyễn Văn H, sinh năm: 1988; Nguyễn Thanh S: 1999 các con đã trưởng thành.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Tr không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ: Điểm đ khoản 1 điều 12 và khoản 1, khoản 5 điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/QĐ-UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Ông Nguyễn Văn Tr được miễn toàn bộ án phí.

Ông Nguyễn Văn Tr có đơn xét xử vắng mặt, bà Phạm Thị T đã mất tích nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227, điều 228, 238 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Tr và bà T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn Cứ: Điều 28, điều 35, 39, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, khoản 1 điều 238, điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn Cứ: Khoản 1 điều 39, Khoản 2 điều 68 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Căn Cứ: Khoản 2 điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm đ khoản 1 điều 12 và khoản 1, khoản 6 điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/QĐ-UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Văn Tr đối với bà Phạm Thị T trong việc tranh chấp ly hôn với người mất tích.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Tr được ly hôn bà Phạm Thị T.

Về con chung: Có 03 con Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1986; Nguyễn Văn H, sinh năm: 1988; Nguyễn Thanh S: 1999 các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét nên không giải quyết.

Về án phí HNST: Ông Nguyễn Văn Tr được miễn toàn bộ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TAND Tỉnh BR- VT;
- VKSND H.CĐ;
- CÁC Đương sự;
- THADS H.CĐ;
- UBND xã Nghĩa Thành;
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA

ĐÀO TRỌNG HẢI

